

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2024/DS-ST

Ngày: 27 - 8 - 2024

Về việc: *Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Hồng Hoa

2. Bà Đặng Thị Nữa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quân - Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 229/2024/TLST-DS ngày 13/6/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thùy L- sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: 2 Hậu Giang, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1957, địa chỉ thường trú: 4.12 CC 2H, Đ, phường A, quận B (theo Giấy ủy quyền ngày 03/6/2024) (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc T- sinh năm 1977 (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

HKTT: 240/7/45 N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: B đường C, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Huỳnh Quang T1; sinh năm 1978; HKTT: E đường số D, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: B đường C, Phường A, Quận F (theo Giấy ủy quyền ngày 20/7/2024) (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2024, cùng lời khai của bà Võ Thị Thùy L là nguyên đơn và ông Nguyễn Thái H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/7/2023, bà L có cho bà Nguyễn Ngọc T vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), việc cho vay có lập giấy vay tiền thỏa thuận vay tiền đề ngày 10/7/2023, thời hạn vay là 06 tháng (từ ngày 10/7/2023 đến ngày 10/01/2024), tiền lãi hai bên có thỏa thuận miệng với lãi suất là 7,5%/tháng và bà L đã nhận được hai tháng tiền lãi là 75.000.000 đồng, sau đó bà T không trả tháng tiền lãi nào. Tính đến nay đã quá hạn trả nợ, nhiều lần bà L điện thoại, đến nơi để đòi nợ nhưng không gặp.

Bà L xác định số tiền cho vay này là tài sản riêng của bà L, không liên quan gì đến chồng của bà L là ông Nguyễn Quang T2 nên đề nghị Tòa án không đưa ông T2 vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại phiên tòa, bà L xác định trước ngày 10/7/2023 bà T có vay tiền của bà L nhiều lần, và là các khoản vay khác không liên quan khoản vay ngày 10/7/2023 nêu trên.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 03/7/2024 bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Ngọc T trả cho bà L tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi 10 tháng x 7,5%/tháng là 375.000.000 đồng, tổng cộng là 875.000.000 (tám trăm bảy mươi lăm triệu) đồng. Nay bà L xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi 375.000.000 đồng. Bà L xác định yêu cầu bà T trả tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/7/2023 đến ngày 10/7/2024 theo lãi suất 1,66%/tháng là 99.600.000 đồng trừ 75.000.000 đồng tiền lãi bà L đã nhận, nên số tiền lãi còn thiếu là 24.600.000 đồng, tổng cộng là 524.600.000 đồng, trả một lần khi bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Bà L không yêu cầu bà T trả tiền lãi tính từ ngày 11/7/2024 đến ngày xét xử.

- Tại bản tự khai đề ngày 22/7/2024, bà Nguyễn Ngọc T là bị đơn trình bày: Bà T và bà L quen biết và chơi chung nhau từ trước năm 2010. Trong quá trình chơi với nhau, bà L có rủ bà T chơi hụi và đến năm 2018 bà T có mượn bà L số tiền là 500.000.000 đồng với lãi suất 7,5%/tháng (90%/năm). Bà L yêu cầu bà T ký giấy “Thỏa thuận vay tiền” với thời hạn là 6 tháng ký lại 1 lần. Bà T đã đóng lãi đúng thỏa thuận đến khi bà L khởi kiện bà T ra Tòa án Quận F do bà T không còn khả năng chi trả.

Bà T đồng ý trả cho bà L số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, bằng cách chia làm nhiều lần thanh toán hàng tháng từ ngày 1 đến ngày 5 là 10.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Ngọc T và ông Huỳnh Quang T1 đại diện bà T có đơn đề ngày 22/7/2024 xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông T1.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn buộc bà Nguyễn Ngọc T trả cho bà L tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/7/2023 đến ngày 10/7/2024 là 24.600.000 đồng, tổng cộng 524.600.000 đồng. Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 04/6/2024 bà Võ Thị Thùy L đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2024 yêu cầu trả số tiền vay còn nợ đối với bà Nguyễn Ngọc T hiện cư trú tại B Chợ L, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự.

Xét bà Nguyễn Ngọc T là bị đơn và ông Huỳnh Quang T1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Ngọc T và ông Huỳnh Quang T1.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Theo lời khai của các đương sự cùng giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 10/7/2023, cho thấy giao dịch giữa bà Võ Thị Thùy L và bà Nguyễn Ngọc T là “Hợp đồng vay tài sản” có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận: bà T đã vay của bà L số tiền là 500.000.000đồng, thời hạn vay là 6 tháng.

Các đương sự trình bày lãi suất vay thỏa thuận 7,5%/tháng, là đã vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Theo bà L trình bày bà T đã trả tiền nợ lãi là 75.000.000đồng, chưa trả nợ gốc. Nay bà L yêu cầu trả nợ gốc là 500.000.000đồng và nợ lãi tính từ ngày 10/7/2023 đến ngày 10/7/2024 theo lãi suất 1,66%/tháng còn thiếu là 24.600.000đồng, tổng cộng là 524.600.000đồng. Theo bà T trình bày đã đóng lãi đúng thỏa thuận và đồng ý trả cho bà L tiền nợ gốc là 500.000.000đồng.

Từ đó, cho thấy hiện bà T còn nợ bà L số tiền nợ gốc là 500.000.000đồng đến nay đã quá hạn thanh toán theo thỏa thuận nêu trên. Ngoài ra, bà T không cung cấp tài liệu chứng cứ về số tiền lãi đã trả cho bà L, cũng như không có yêu cầu tính lại tiền lãi, nên không có cơ sở xem xét.

Do đó, căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ vay gồm:

+ Nợ gốc là 500.000.000 đồng;

+ Nợ lãi tính từ ngày 10/7/2023 đến ngày 10/7/2024 còn thiếu là:

$(500.000.000\text{đồng} \times 1,66\%/tháng \times 12 \text{ tháng}) - 75.000.000\text{đồng} = 24.600.000\text{đồng}$

Tổng cộng nợ gốc và lãi là 524.600.000 đồng.

Về thời hạn thanh toán: Bà L yêu cầu bà T trả số tiền nợ vay ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, bà T đồng ý trả nợ gốc làm nhiều lần hàng tháng vào ngày 1 đến ngày 5 là 10.000.000đồng. Tuy nhiên, số tiền bà T còn thiếu nêu trên đến nay đã quá hạn thanh toán theo thỏa thuận tại giấy thỏa thuận vay tiền ngày 10/7/2023, nên căn cứ Điều 278 Bộ luật Dân sự năm 2015 bà T phải trả cho bà L toàn bộ số tiền nợ vay cả gốc và lãi là 524.600.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày bà Võ Thị Thùy L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền còn thiếu, hàng tháng bà Nguyễn Ngọc T còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Do bà Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả nợ vay cho bà Võ Thị Thùy L, nên phải

chịu án phí là 24.984.000đồng.

Bà Võ Thị Thùy L được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên được hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010039 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Võ Thị Thùy L:

Buộc bà Nguyễn Ngọc T phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Thùy L tiền nợ vay theo “Giấy thỏa thuận vay tiền” đề ngày 10/7/2023, là 524.600.000 (năm trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm ngàn) đồng (trong đó: nợ gốc là 500.000.000đồng và nợ lãi là 24.600.000 đồng). Thời hạn trả toàn bộ số tiền nêu trên là ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày bà Võ Thị Thùy L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền còn thiếu, hàng tháng bà Nguyễn Ngọc T còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu số tiền án phí là 24.984.000 (hai mươi bốn triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Thùy L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.750.000 (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010039 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Thùy L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bà Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Sa